TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/3/2026
V/v: ly hôn, tranh chấpvề nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 -THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Luân
2. Ông Lê Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóatham gia phiên tòa: ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Y S - Sinh năm 2000
Địa chỉ: Bản B, xã Yên K, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: anh Vi Văn H - Sinh năm 2002
Địa chỉ: Bản B, xã Yên K, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà chị Y S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2025, Bản tự khai ngày 23/10/2025* cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Y S trình bày:

Về hôn nhân:chị và anh Vi Văn H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, nay là xã Yên Khương, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 08/02/2023. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: anh H không quan tâm

đến vợ con, có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Chị và anh H đã sống ly thân kể từ năm 2025 đến nay không ai quan tâm tới nhau nữa. Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung*:* chị và anh H có hai con chung Vi Anh N, sinh ngày 20/6/2022, Vi Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/10/2024. Ngoài ra, chị có 01 con riêng là Y Ánh D, sinh ngày 10/8/2020. Hiện cả ba cháu đang đang sống cùng chị S. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con; chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: chị Y S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí*:* chị Y S đề nghị miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Y S còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân của chị (bản sao); Giấy khai sinh cháu Y Ánh D, Vi Anh N, Vi Thị Quỳnh T, (bản sao); Xác nhận thông tin về nơi cư trú của chị; Giấy xác nhận hộ nghèo (bản sao); đơn xin miễn tiền án phí; Đơn xin xác nhận của chị S, Phiếu vận đơn; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Về bị đơn*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh H không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh H để lấy lời khai của anh.

* *Tại biên bản xác minh ngày 22/10/2025* và *07/11/2025* Ông Vi Văn M- Ông nội anh H; ông Vi Văn T - Trưởng bản bản B cho biết:

Chị S và anh H tìm hiểu và kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình ông M tại Bản B, xã Yên K. Đến khoảng năm 2024 anh H đi làm xa và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm vợ con. Chị S đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Đến nay anh H và chị S đã ly thân.

Chị S và anh H có ba con chung là cháu D, cháu N và cháu T. Hiện các cháu đang sống cùng chị S và gia đình ông M. Các cháu được chăm sóc tốt và được cho đi học đầy đủ. Việc ăn học, sinh hoạt của các cháu chủ yếu do chị S và ông bà lo lắng, quan tâm. anh H không quan tâm, để ý gửi tiền chu cấp cho các cháu ăn học, sinh hoạt. Chị S hiện đang làm nghề nông và có đi làm thêm để có thêm thu nhập nuôi con. Các cháu hiện nay đang còn rất nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ,

chị S cũng không đi làm xa để được gần con và có thời gian chăm sóc con cái dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, ông M cho biết: Ông đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh H và đã thông báo lại ngay cho anh H. anh H đã biết chị S khởi kiện ly hôn và nuôi con chung nhưng vì anh H đang đi làm xa, công việc bận rộn nên anh chưa sắp xếp thời gian đến làm việc tại Tòa án.

* *Tại biên bản xác minh ngày 07/11/2025*, Bà Hà Thị Đào - Hiệu phó Trường mầm non Yên Khương cho biết:

Hiện cháu Y Ánh D, sinh ngày 10/8/2020 đang học lớp 05 tuổi cô Lò Thị Lê và cô Hà Thị Kim Thành phụ trách, cháu Vi Anh N, sinh ngày 20/6/2022 đang học lớp 3 tuổi do cô Lê Thị Hương phụ trách. Hiện các cháu được chăm sóc tốt và được đi học đầy đủ. Về vấn đề đưa đón học tập và đóng tiền học cho các cháu chủ yếu là chị Y S quan tâm lo lắng, từ trước đến nay chỉ thấy chị Y S đưa đón các cháu đi học. Cháu Dư và cháu N thuộc trường hợp được miễn tiền học 100%. Nhà trường rất tạo điều kiện cho các cháu được ăn học tốt nhất.

* *Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 11*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147,Điều 227,Điều 228của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56,Điều 57,các Điều 81, 82, 83 luật HNGĐ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2026 UBTVQH 14 6,giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Y S; Xử chị Y S được ly hônanh Vi Văn H và giao ba con làVi Anh N, sinh ngày 20/6/2022, Vi Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/10/2024 và Y Ánh D, sinh ngày 10/8/2020 cho chị S có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S. Về án phí, Chị S là hộ nghèo nên miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho chị Y S và anh Vi Văn H các văn bản tố tụng của Tòa án; chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có ly do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh H.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã Yên Khương, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 11 - Thanh Hóa theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y S và anh Vi Văn H tự nguyện kết hôn ngày 08/02/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Nay là UBND xã Yên Khương, tỉnh Thanh Hóa). Vì vậy, hôn nhân giữa chị S và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8Luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân doanh Huy không tu chí làm ăn, tụ tập bạn bè lêu lổng, không quan tâm vợ con, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khác. anh H đi làm ăn nhưng không gửi tiền về chu cấp cho con cái. Thực tế, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chịđề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Vi Văn H.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện15/5/2025, Bản tự khai ngày 23/10/2025; Biên bản xác minh lấy ý kiến của ông Vi Văn M - Ông nội anh H; ý kiến củaTrưởng Bản B, xã Yên K mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị S, anh H thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc.

Nay chị S có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị S đối với anh H.

[4] Về con chung: Chị S và anh H có hai con chung là Vi Anh N, sinh ngày 20/6/2022, Vi Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/10/2024. Ngoài ra, chị S có 01 con riêng là Y Ánh D, sinh ngày 10/8/2020.Khi ly hôn, chị S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Căn cứ lời trình bày của chị Y S và bản sao Giấy khai sinh của cháu Dương, đủ cơ sở xác định: cháu Y Ánh D là con riêng của chị Y S.

Cháu Y Ánh D sinh ra trước thời kỳ hôn nhân giữa chị S và anh H, trong bản sao giấy khai sinh của cháu Dương thì họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của cháu Dương đều ghi theo người mẹ; ở phần họ, chữ đệm, tên người cha không ghi tên anh Vi Văn H mà để trống; mặt khác, anh H không đến Tòa án trình bày ý kiến

hoặc có văn bản nêu ý kiến về việc thừa nhận cháu Y Ánh D là con của anh H; không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh cháu Dương là con anh H. Do đó, chưa có đủ căn cứ xác định cháu Y Ánh D là con chung của anh chị S và anh H.

Xét nguyện vọng của chị S về trách nhiệm nuôi con:

Qua chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án, HĐXX thấy rằng, nguyện vọng của chị S là chính đáng, phù hợp; việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho các cháu. Hiện các cháu Vi Anh N, Vi Thị Quỳnh T và Y Ánh D đang học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ, đang sinh sống cùng chị và ông bà nội anh H. Do vậy, giao con chung cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của các cháu.

Trường hợp giữa chị S và anh H có tranh chấp về nuôi con, hoặc chị S, anh H, cháu Dương có tranh chấp hoặc yêu cầu về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định tại các Điều 28 và 29 của Bộ luật Tó tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và quy định tại các điều 88, 89, 90, 91 của Luật Hôn nhân dân và gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị S; Giao Y Ánh D, sinh ngày 10/8/2020,Vi Anh N, sinh ngày 20/6/2022 và Vi Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/10/2024 cho chị S có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Chị S không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con cùng mình. Đây là sự tự nguyện của chị S, không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận không xem xét.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn là hộ nghèo và có đơn đề nghị được miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm về ly hôn.

[8] Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa .

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật TTDS;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, các điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2026 UBTVQH 14ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y S được ly hôn anh Vi Văn H.

Về con: Giao cho chị Y S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba cháu là Y Ánh D, sinh ngày 10/8/2020,Vi Anh N, sinh ngày 20/6/2022 và Vi Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/10/2024. anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Anh Vi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho chị Y S.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 11- Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND xã Yên Khương;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Tùng